TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hồng

Ông Nguyễn Trung Du

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 253/2023/TLST–HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023, về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Trần Trúc N** – sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 136/5, H, phường A, quận B, thành phố H.

- Bị đơn: anh **Lê Thanh T** – sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Trần Trúc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Lê Thanh T hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị và anh T đi

đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ac, quận B, thành phố H.

Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nhiều lần cờ bạc dẫn đến nợ nần và nói dối chị, vợ chồng dẫn đến thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Lê Khang D, sinh ngày 29/9/2015, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Thanh T:

Anh Lê Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Trần Trúc N. Cho chị N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Khang D, sinh ngày 29/9/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị N phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000đ.

- *Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn chị Trương Trần Trúc N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân**: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị N trình bày do anh T nhiều lần cờ bạc dẫn đến nợ nần và nói dối chị, vợ chồng dẫn đến thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay.

Đối với bị đơn anh T, Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định, phía anh T vẫn cố tình vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T đã sống chung một thời gian dài không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không cải thiện được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** có 01 con chung tên Lê Khang D, sinh ngày 29/9/2015. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D. Anh T không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu D đang sống với chị N, cuộc sống của các cháu đang ổn định, sức khỏe bình thường, cháu D có nguyện vọng muốn được sống với chị N. Do vậy tiếp tục giao cháu D cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Trần Trúc N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Trần Trúc N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung Lê Khang D, sinh ngày 29/9/2015 cho chị Trương Trần Trúc N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trương Trần Trúc N không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Buộc chị Trương Trần Trúc N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009414, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Anh Lê Thanh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND phương A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn